

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 375/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 71/TTr-SNNMT ngày 05/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm, Bảo

tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02, 05, 13 tiểu mục I Mục A; số thứ tự 14, 16, 18, 21, 22 tiểu mục II Mục A; số thứ tự 02, Tiểu mục II mục C tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp, Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

2. Thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02, Mục I Phần A Danh mục kèm theo Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục thực hiện cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

3. Thủ tục hành chính có số thứ tự: 02, 03, 04, 05 Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

4. Thủ tục hành chính có số thứ tự: 01, 03 Mục B Phần I; số thứ tự 01 Mục A; 01 Mục B Phần II tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

5. Thủ tục hành chính có số thứ tự 04, Mục A tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 7/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

6. Thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02 Phần II tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Nhân

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số: 274 /QĐ-UBND ngày 08 /02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP TỈNH (01 TTHC)

Số TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (01 TTHC)					
01	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen (1.014833)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/ 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Điều 24 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 59/2017/NĐ CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ).

Phần II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (23 TTHC)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (19 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (16 TTHC)				.		
01	5.003115.000.00.00.H37	Điều chỉnh khu rừng đặc dụng	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014836)	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh	- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Điều 2 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
02	1.012687.000.00.00.H37	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng địa phương quản lý		18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Điều 2 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)

¹ Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 13+14 Ngày 10-03-2026

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
03	1.000084.000.00.00.H37	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP;</p> <p>- Điều 3 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)</p>
04	1.000081.000.00.00.H37	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		<p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 13+14 Ngày 10-03-2026

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý¹
05	1.012921.000.00.00.H37	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	Điều 10 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (bổ sung Điều 34b Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
06	1.014839	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ²	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Điều 13 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 37 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)			
07	5.000977.000.00.00.H37	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.014838)	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			<p>- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP và Nghị định số 227/2025/NĐ-CP;</p> <p>- Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)</p>

² Thủ tục hành chính này đã được công bố tại Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2025 và Quyết định số 3703/QĐ-BNN-LN ngày 30/10/2024; bị bãi bỏ tại Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025.

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 13+14 Ngày 10-03-2026

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
08	3.000152 .000.00. 00.H37	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh		<p>a) 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng);</p> <p>b) 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ</p>	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã, phường.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND cấp tỉnh.</p>	<p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/</p>	<p>- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP; Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP;</p> <p>- Điều 17 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)</p>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 13+14 Ngày 10-03-2026

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
				<i>Quốc phòng).</i>			
09	1.012692 .000.00. 00.H37	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	a) 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (<i>đối với trường hợp không phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng</i>); b) 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND cấp tỉnh.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP; Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Điều 19 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 41b Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 13+14 Ngày 10-03-2026

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
				dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp phải lấy ý kiến của các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng).			
10	1.012689 .000.00. 00.H37	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức		08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP; Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)

CÔNG BÁO LẠNG SON/SỐ 13+14 Ngày 10-03-2026

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý¹
11	1.012690.000.00.00.H37	Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý		15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/NĐ-CP; Nghị định số 227/2025/NĐ-CP; - Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
12	1.012531.000.00.00.H37	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công xã/phường. - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.		- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP; - Điều 43 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)
13	1.007918.000.00.00.H37	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư		09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn - Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.go	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP; - Điều 50 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 13+14 Ngày 10-03-2026

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
14	3.000159 .000.00. 00.H37	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không có thông tin vi phạm: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có thông tin vi phạm: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, phường. - Cơ quan thực hiện: Cơ quan Kiểm lâm sở tại. 	v.vn	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; Nghị định số 120/2024/NĐ-CP; - Điều 54 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP) Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
15	3.000160 .000.00. 00.H37	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không kiểm tra, xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 09 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/xã, phường - Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.go 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP; Nghị định số 120/2024/NĐ-CP; - Điều 55 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 13 Nghị định số 102/2020/NĐ-CP)

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 13+14 Ngày 10-03-2026

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
				ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.		v.vn	
II	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (03 TTHC)						
01	1.004150 .000.00. 00.H37	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen		18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã, phường.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.</p>	<p>- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.go v.vn</p>	<p>- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12; Luật số 146/2025/QH15;</p> <p>- Điều 23 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ;</p>
02	1.004096 .000.00. 00.H37	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen		10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/ xã, phường.</p>	<p>- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.go</p>	<p>- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15</p> <p>- Điều 25 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP;</p>
03	1.004117 .000.00. 00.H37	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập,	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	<p>- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>- Tiếp nhận và trả kết quả trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.go</p>	<p>- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số</p>

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 13+14 Ngày 10-03-2026

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ¹
		vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	nghiên cứu không vì mục đích thương mại	được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.	<u>v.vn</u>	146/2025/QH15; <i>- Điều 27 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP.</i>

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (04 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ³
Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (04 TTHC)							
01	1.01292 2.000.00 .00.H37	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức có rừng trồng bị thiệt hại	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công xã/phường. - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp;	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; - Điều 10 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (bổ sung Điều 34b Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
02		Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công xã/phường. - Cơ quan thực hiện: Phòng kinh tế cấp xã.	- Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; - Điều 13 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 37 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP)
03	1.01269 4.000.00 .00.H37	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân		08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã/ phường. - Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 183/2025/ NĐ-CP; Nghị định số 227/2025/ NĐ-CP; - Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 42 Nghị

³ Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế

CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 13+14 Ngày 10-03-2026

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý ³
							<i>định số 156/2018/NĐ-CP)</i>
04	1.00791 9.000.00 .00.H37	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư		09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm phục vụ hành chính công xã/phường. - Cơ quan thực hiện: Phòng kinh tế cấp xã.	- Tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp; - Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; - Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn	- Nghị định số 58/2024/ NĐ-CP; - Điều 50 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung Điều 31 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP)

PHẦN III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (02 TTHC)

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Số thứ tự tại Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh (01 TTHC Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)				
1	1.004160.00 0.00.00.H37	Đăng ký tiếp cận nguồn gen.	Số thứ tự 02, Phụ lục I tại Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.	Điểm đ, khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.
B. Thủ tục hành chính cấp xã (01 TTHC Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học)				
1	1.004082.00 0.00.00.H37	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	Số thứ tự 07, mục IV, Phụ lục I tại Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Trồng trọt, Thủy lợi, Nông nghiệp, Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.	Điểm đ, khoản 2 Điều 40 Nghị định số 43/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học